

Ngày: 17-6-2025

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Các Thẩm phán:

ông Nguyễn Tấn Long

- *Thư ký phiên tòa:* bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao
tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 252/2025/TLPT-HS ngày 29/5/2025 đối với bị cáo **Lê Văn H** về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2025/HS-ST ngày 19-4-2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1686/2025/QĐXXPT-HS ngày 04/6/2025.

1. Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: **Lê Văn H**, sinh ngày 27/5/2000 tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: **số B đường N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng**; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 9/12; nghề nghiệp: lao động phổ thông; con ông **Lê Văn P** và con bà **Nguyễn Thị V**; sống chung như vợ chồng với bà **Nguyễn Ngọc Thu T**, có 01 con sinh năm 2021; tiền sự: không.

Tiền án: ngày 23/3/2022 bị Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử và xử phạt 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" theo Bản án số 11/2022/HSST.

Nhân thân:

Ngày 04/10/2019 bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Đ xử phạt hành chính số tiền 750.000đ (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng) về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Ngày 29/01/2024 bị Công an quận H, thành phố Đà Nẵng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng).

Bị bắt, tạm giam từ ngày 28/01/2024, có mặt tại phiên toà.

2. Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Ngọc C - Đoàn Luật Sư thành phố Đ, có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 45 phút ngày 28/01/2024, tại trước nhà số K đường N, quận H, thành phố Đà Nẵng, Công an quận H, thành phố Đà Nẵng bắt quả tang Nguyễn Ngọc Kim X và Lê Văn H về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tại thời điểm bắt quả tang có mặt lái xe ô tô Nguyễn Hoàng P1 nên mời về làm việc.

Tang vật thu giữ gồm:

02 (hai) gói nilong, kích thước (9,5x6) cm bên trong chứa 98 (chín mươi tám) viên nén màu trắng và 04(bốn) mảnh vỡ màu trắng, được niêm phong (ký hiệu A); 02 (hai) điện thoại di động màu xanh, màu tím (của Nguyễn Ngọc Kim X và Lê Văn H);

Lúc 00 giờ 05 phút và 01 giờ 00 phút ngày 29/01/2024, thi hành các Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của các bị cáo, không thu giữ, đồ vật, tài sản gì.

Bản giám định số: 131/KL-KTHS ngày 01/02.2024 của Phòng KTHS Công an thành phố Đ kết luận: 98 (chín mươi tám) viên nén màu trắng và 04(bốn) mảnh vỡ viên nén màu trắng trong mẫu niêm phong (ký hiệu A) giám định là ma túy loại MDMA, có khối lượng mẫu A: 44,417 gam.

Quá trình điều tra xác định:

Để có tiền tiêu xài và chi tiêu cá nhân, ngày 28/01/2024 Nguyễn Ngọc Kim X và Lê Văn H bàn bạc, thống nhất mua 200 (hai trăm) viên ma túy thuốc lắc về bán lại kiếm lời. Thông qua bạn bè ngoài xã hội giới thiệu, Lê Văn H đã mua của Tuấn A (không xác định nhân thân lai lịch) 200 (hai trăm) viên ma túy thuốc lắc với giá 41.700.000 đồng (Bốn mươi một triệu bảy trăm ngàn đồng) với mục đích bán lại kiếm lời cụ thể:

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 28/01/2024, H đang ở cùng với người bạn tên H1 (chưa xác định nhân thân lai lịch) tại một căn nhà trên đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng thì H liên lạc rủ X đến chơi. X đón xe ô tô G đến địa chỉ trên gặp H và H1. Quá trình nói chuyện, H1 nói có người bạn của H1 cần mua 100 (một trăm) viên ma túy (thuốc lắc) và hỏi H và X tìm chỗ mua dùm. X gọi điện và nhắn tin bằng mạng Zalo cho nam thanh niên tên R (không xác định được nhân thân lai lịch) hỏi mua số ma túy trên thì R báo giá 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng), thì H1 không đồng ý vì giá cao. Lúc này, H gọi cho

Tuấn A để đặt mua số ma túy trên thì được Tuấn A báo giá 21.000.000 đồng (Hai mươi một triệu đồng). Qua trao đổi giữa X và R, R biết X có nơi mua được giá thấp hơn nên đề nghị X bán lại cho R 100 (một trăm) viên thuốc lắc giá 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) hẹn X giao ma túy thuốc lắc tại nhà nghỉ K, địa chỉ K đường N, quận H, thành phố Đà Nẵng. H và X thống nhất sẽ mua thêm 100 (một trăm) viên thuốc lắc bán lại cho R tiền lời chia đôi mỗi người 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Sau khi thống nhất, H đặt Tuấn A mua 200 (hai trăm) viên ma túy thuốc lắc với tổng số tiền 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng), do quen biết Tuấn A bớt cho H 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) còn 41.700.000 đồng (Bốn mươi một triệu bảy trăm ngàn đồng). Tại nhà H1, H1 đưa cho H 21.000.000 đồng (Hai mươi một triệu đồng) và hẹn H giao ma túy cho H1 tại kiết C T, Đà Nẵng. H thỏa thuận với Tuấn A giao ma túy tại đường T và H chuyển cho Tuấn A trước số tiền 11.700.000 đồng (Mười một triệu bảy trăm ngàn đồng). Tuấn A yêu cầu H chuyển số tiền này vào tài khoản 0772000194 Ngân hàng TMCP Q. H đồng ý và dùng tài khoản 0908999143 Ngân hàng TMCP Đ (V3) chuyển cho Tuấn A xem như tiền đặt cọc mua ma túy. Sau đó, H1 gọi cho một nam thanh niên có dáng người mập (bạn của H1, H và X không biết) đến nhà H1 để đi cùng. H, X và H1 đón một xe ô tô G (không nhớ biển số, loại xe) di chuyển từ nhà H1 đến Kiết C T, Đà Nẵng để nhận ma túy và giao ma túy cho H1, nam thanh niên mập điều khiển xe mô tô (không rõ loại xe gì) đi theo phía sau xe của H. Khi đến nơi, H, X và H1 xuống xe G, Tuấn A đi xe mô tô (không rõ loại xe, không nhớ biển số) dừng tại đó và đi bộ đến giao cho H gói ni long màu bạc chứa ma túy thuốc lắc, H giao 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) tiền mặt còn lại cho Tuấn A (21.000.000 đồng của H1 và 9.000.000 đồng của H), sau khi nhận tiền mua ma túy xong Tuấn A rời đi, H, X, H1 và nam thanh niên mập cùng đi bộ vào một căn nhà ở trong kiết 379 Trần Cao V1, Đà Nẵng (X, H không nhớ đại chỉ cụ thể) X đứng ở bên ngoài căn nhà, còn H, H1 và nam thanh niên mập đi vào phía sau nhà bếp, H lấy 02 (hai) gói ni long có chứa 100 (một trăm) viên ma túy thuốc lắc đưa cho H1 và nam thanh niên mập, sau đó, H quay trở ra đưa cho X 02 (hai) gói nilong có chứa 98 (chín tám) viên thuốc lắc và 04 (bốn) mảnh vỡ viên thuốc lắc. X nhận lấy và bỏ vào trong túi xách hình con gấu màu xám của X đang mang trên người. X đặt ô tô G cùng H đi đến trước số nhà C N, Đà Nẵng. Đến nơi X một mình xuống xe đi vào kiết 382/9 nhà nghỉ Khánh V2 để giao 100 (một trăm) viên ma túy thuốc lắc cho R, X chưa kịp giao ma túy thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận H, thành phố Đà Nẵng bắt quả tang X, H về hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2025/HS-ST ngày 19-4-2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

1. Về tội danh: tuyên bố bị cáo **Lê Văn H** phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”

2. Về hình phạt: căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê Văn H** 19 (mười chín) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt 28/01/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh, điều luật, mức hình phạt đối với bị cáo **Nguyễn Ngọc Kim X**, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo.

Sau xét xử sơ thẩm:

Ngày 27/4/2025, bị cáo **Lê Văn H** kháng cáo bản án sơ thẩm với các nội dung xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 08/6/2025, bị cáo **Lê Văn H** tự nguyện rút kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo **Lê Văn H** trình bày xin xem xét kháng cáo và xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, bị cáo **H** xin xem xét kháng cáo, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

Về nội dung: bản án sơ thẩm xét xử bị cáo **Lê Văn H** về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo **1** (mười chín) năm tù là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo nộp 10.200.000đ (tiền phạt bổ sung và án phí HSST) theo Biên lai thu tiền số 0001477 ngày 17/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Tuy nhiên xét thấy, đối chiếu hành vi phạm tội và tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự này là không đáng kể làm thay đổi mức hình phạt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: quá trình điều tra bị cáo tự thú khai báo hành vi phạm tội trước đó và là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo nộp 10.200.000đ (tiền phạt bổ sung và án phí HSST) theo Biên lai thu tiền ngày 17/6/2025 và là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Do đó, kính đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo thống nhất nội quan điểm của Luật sư, không trình bày gì thêm.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bị cáo:

[1.1] Về tội danh:

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo **Lê Văn H** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thể hiện:

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 28/01/2024, tại một căn nhà trên **đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng** (không xác định được địa chỉ) **Lê Văn H** cùng **Nguyễn Ngọc Kim X** thống nhất mua 200 (hai trăm) viên ma túy thuốc lắc của một nam thanh niên tên **T1** (không rõ nhân thân lai lịch) với giá 41.700.000đ (Bốn mươi một triệu bảy trăm ngàn đồng) để bán lại cho bạn của **H1** 100 (một trăm) viên với giá 21.000.000 đồng (Hai mươi một triệu đồng) và đối tượng tên **Ron** 100 (một trăm) viên với giá 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) nhằm mục đích hưởng lợi chia nhau. Sau khi nhận được số lượng 200 (hai trăm) viên ma túy thuốc lắc do **Tuấn A** giao tại **đường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, H và X** giao 100 (một trăm) viên ma túy thuốc lắc cho một thanh niên (bạn của **H1**) tại một căn nhà trong **Kiệt S T, quận T, thành phố Đà Nẵng**, số lượng 100(một trăm) viên ma túy thuốc lắc còn lại (gồm 98 viên nén và 04 mảnh vỡ viên nén), **H** đưa cho **X** cất giấu trong túi xách của **X** đeo trên người, sau đó, **X** đặt xe ô tô Grab chở các bị cáo đến trước khu vực nhà nghỉ **K trên đường N, quận H, thành phố Đà Nẵng** để bán cho đối tượng trên **Ron** như đã hẹn thì bị **Công an quận H, thành phố Đà Nẵng** phát hiện bắt quả tang. Bản giám định số: 131/KL-KTHS ngày 01/02/2024 của Phòng KTHS **Công an thành phố Đ** kết luận: khối lượng chất ma túy các bị cáo bán cho **R** bị thu giữ là 44,417 gam (loại MDMA).

Như vậy, lời khai nhận tội của bị cáo **Lê Văn H** phù hợp với lời khai của bị cáo **Nguyễn Ngọc Kim X** (trong vụ án không kháng cáo); phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, bản Kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ khẳng định: Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo **Lê Văn H** về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật.

[1.2] Về điều luật áp dụng và mức hình phạt;

Các bị cáo **H, X** mua 200 viên ma túy và bán hai lần, mỗi lần bán 100 viên, do đó Toà án cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo **H và X** thực hiện hành vi mua bán 200 (hai trăm) viên ma túy thuốc lắc cho nam thanh niên (bạn của **H1**) và **R** với tổng khối lượng là 88,834 gam ma túy (loại MDMA) theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo **Lê Văn H** 19 (mười chín) năm tù là có căn cứ.

Khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) quy định: Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.

a) ...

b) *Heroin*, **C1**, *Methamphetamine*, *Amphetamine*, *MDMA* hoặc *XLR-11* có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;

Hành vi phạm tội của bị cáo **Lê Văn H** là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền thống nhất quản lý của Nhà nước về các chất ma túy và các chất gây nghiện khác; xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội và là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác. Bị cáo có nhân thân xấu là tái phạm và lần phạm tội này bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên. Do đó, bị áp dụng 02 tình tiết tăng nặng theo điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo bị xét xử theo khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự có mức hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm là phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích đánh giá, nhận định về tính chất, hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra và đã áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định của pháp luật và xử phạt bị cáo **Lê Văn H** 19 năm tù là có căn cứ.

[3] Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, gia đình bị cáo nộp 10.200.000đ (tiền phạt bổ sung và án phí HSST) theo Biên lai thu tiền ngày 17/6/2025. Tuy nhiên xét thấy, đối chiếu hành vi phạm tội và tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự này là không đáng kể làm thay đổi mức hình phạt. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Số tiền 10.200.000đ theo Biên lai thu tiền số 0001477 ngày 17/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng sẽ được giải quyết trong quá trình thi hành án.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo **Lê Văn H** phải chịu theo quy định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Lê Văn H**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Về tội danh: tuyên bố bị cáo **Lê Văn H** phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”

3. Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê Văn H** 19 (mười chín) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt 28/01/2024.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo **Lê Văn H** phải chịu 200.000đ.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Thường

Nguyễn Tấn Long

Trần Quốc Cường

